

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2025

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Bình Quyền

Ông Hoàng Ngọc Hải

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Bình - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Đỗ Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa (cơ sở 2) xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 về việc “Ly hôn, nuôi con, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Ông Lê Hải B, sinh năm 1958. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 1, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa.

2. **Bị đơn:** Bà Phạm Thị X, sinh năm 1960. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Gi, xã T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/5/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của nguyên đơn ông Lê Hải B thể hiện như sau:

Ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/1992. Vợ chồng ông hạnh phúc được thời gian đầu thì phát sinh mâu thuẫn vì ông nghi ngờ vợ ông có quan hệ với người đàn ông khác. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cho đến năm 2019 thì vợ chồng ông sống ly thân cho đến nay. Nay ông B nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà X.

Về con: Ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X có 02 con chung là cháu Lê Thế Nh, sinh ngày 04/7/1993 và Lê Thế D, sinh ngày 30/10/1997. Cháu Nh đã đủ 18 tuổi và tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Cháu D bị khuyết tật bẩm sinh nên ông xin được trực tiếp nuôi cháu D và không yêu cầu bà X phải cấp dưỡng nuôi con cùng ông.

Về tài sản: Ông B không yêu cầu giải quyết về tài sản. Quá trình giải quyết vụ án, bà X yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là nhà hai tầng nằm trên thửa đất đứng tên ông. Bà X yêu cầu đòi chia nhà và đòi nhận giá trị bằng tiền, quan điểm của ông B là ông không yêu cầu chia tài sản chung. Bà X yêu cầu là tùy bà X. Ông không yêu cầu chia tài sản chung nào khác và không nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng, tiền án phí.

Quan điểm của bị đơn bà Phạm Thị X: Bà X và ông B kết hôn năm 1992 trên cơ sở tự nguyện, được Ủy Bn nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/1992. Vợ chồng bà hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn, năm 2020 ông B đánh đập vợ con rồi bỏ đi từ đó đến nay. Nay ông B làm đơn ly hôn, bà xét thấy tình cảm không còn nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X có 02 con chung là cháu Lê Thế Nh, sinh ngày 04/7/1993 và Lê Thế D, sinh ngày 30/10/1997. Cháu Nh đã đủ 18 tuổi và tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Cháu D bị khuyết tật bẩm sinh, không có khả năng lao động, cần có người chăm sóc nên bà X đề nghị được trực tiếp nuôi cháu D và yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu D mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Bà X đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng bà là nhà hai tầng, nhà được nằm trên thửa đất 617-1, tờ bản đồ số 01, tại xã Kh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã Qu, tỉnh Thanh Hóa. Bà X khẳng định chỉ yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà trên đất do hai vợ chồng bà xây dựng, không yêu cầu chia quyền sử dụng đất. Bà X cho rằng, lâu nay ông B đang quản lý, sử dụng nhà và công trình, bà X đi ở với các con nên bà đề nghị chia nhà và công trình tính bằng giá trị.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản và chứng thư thẩm định giá tài sản thể hiện:

Tài sản xem xét, thẩm định tại chỗ là nhà và công trình nằm trên thửa đất số 617-1, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 507613 do UBND huyện X cấp ngày 26/01/2018, tên chủ sử dụng: Ông Lê Hải B, địa chỉ nhà đất tại thôn 1, xã Kh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, nay là xã Qu, tỉnh Thanh Hóa.

Trên thửa đất có tài sản là nhà hai tầng, bê tông cốt thép, một nửa mái tôn, diện tích xây dựng 69,3m², xây dựng năm 2017. Tổng diện tích sàn là 138,6m²;

Giá trị = 416.660.068 đồng

- Một nhà cấp bốn mái bằng diện tích 35m², xây năm 2017 (công trình phụ)

Giá trị = 84.745.815 đồng

- Một bể nước 10,4m³, xây năm 2018, giá trị = 2.364.892 đồng

- Một bán bình mái fibro: 16,7m², xây năm 2017, giá trị = 5.408.380 đồng

- Sân bê tông 21,9m², xây năm 2017, giá trị = 459.933 đồng

- Hai trụ cổng kích thước mỗi trụ = 0,5m x 0,5m x 2,4m; xây năm 2017; giá trị = 641.246 đồng.

- Một tường xây cao 0,8m; giá trị = 526.018 đồng; kết hợp lam bê tông cao 1,2m, dài 2,62m + 2,91m, xây năm 2017; giá trị = 570.195 đồng.

Tổng giá trị nhà và công trình trên đất có giá trị = 511.376.547 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thanh Hóa trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị X, xử cho bà Phạm Thị X được ly hôn ông Lê Hải B. Về con: Đề nghị công nhận bà Phạm Thị X và ông Lê Hải B có 02 con chung là cháu Lê Thế Nh, sinh ngày 04/7/1993 và Lê Thế D, sinh ngày 30/10/1997. Cháu Nh đã đủ 18 tuổi và tự lập nên không yêu cầu giải quyết. Cháu D bị khuyết tật bẩm sinh, không có khả năng lao động. Đề nghị giao cháu Lê Thế D cho bà Phạm Thị X trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà X về cấp dưỡng, buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi cháu D cùng bà X mỗi tháng 1.500.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2025 cho đến khi cháu D khỏi bệnh theo chẩn đoán của bác sĩ.

Về tài sản và công nợ: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà X, chia tài sản chung của vợ chồng ông B bà X là nhà và công trình nằm trên thửa đất số 617.1, tờ bản đồ số 01, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng ông Lê Hải B. Đề nghị giao nhà và công trình cho ông B được quyền sở hữu, buộc ông B giao lại cho bà X giá trị tài sản bằng tiền là 511.376.547 đồng : 2 = 255.688.274 đồng. Ngoài tài sản trên, ông B và bà X không yêu cầu chia tài sản chung nào khác nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Do ông B và bà X đều là người cao tuổi, có yêu cầu xin miễn án phí nên đề nghị miễn án phí cho các đương sự.

Nguyên đơn ông Lê Hải B không có sự thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thu thập tài liệu chứng cứ bằng biện pháp xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và định giá tài sản theo quy định tại Điều 97, 101, 104 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X tự nguyện kết hôn, được Ủy Bn nhân dân xã H, huyện S, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/10/1992, theo đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân & gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn nổi và đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Ông B đề nghị ly hôn và bà X cũng thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X trình bày ông bà có 02 con chung là cháu Lê Thế Nh, sinh ngày 04/7/1993 và cháu Lê Thế D, sinh ngày 30/10/1997 nên công nhận hai cháu Lê Thế Nh và Lê Thế D là con chung của ông B và bà X. Cháu Nh đã đủ 18 tuổi và tự lập nên các bên không yêu cầu giải quyết. Cháu D bị khuyết tật bẩm sinh, không có khả năng lao động nên bà X yêu cầu giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Ông B và bà X đều mong muốn trực tiếp nuôi cháu D. Nhận thấy, cháu D bị bệnh tật, cần có sự chăm sóc của người mẹ nên chấp nhận yêu cầu của bà X, giao cháu Lê Thế D cho bà X trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng: Bà X yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con cùng bà mỗi tháng là 1.500.000 đồng, nhận thấy yêu cầu này là phù hợp nên chấp nhận. Buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi cháu D cùng bà X cho đến khi cháu khỏi bệnh.

[4] Về tài sản và công nợ: Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Hải B không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nhưng bà X yêu cầu chia tài sản chung là nhà và công trình do ông bà tạo dựng trên thửa đất số 617.1, tờ bản đồ số 01, đã được cấp Giấy **chứng nhận quyền sử dụng đất ghi** tên chủ sử dụng Lê Hải B, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Kh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn 1, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa). Nhà và công trình trên đất được định giá = 511.376.547 đồng.

Ông B và bà X đều thừa nhận nhà và công trình trên đất là tài sản chung của vợ chồng nên xác định ông bà có tài sản chung là nhà và công trình nằm trên thửa đất số 617.1, tờ bản đồ số 01, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 507613 do UBND huyện X cấp ngày 26/01/2018, tên chủ sử dụng: Ông Lê Hải B, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Kh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn 1, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa), việc yêu cầu chia tài sản là nhà và công trình trên đất của bà X là đúng quy định nên cần xem xét, giải quyết. Nhận thấy, lâu nay ông B đang sử dụng nhà và công trình trên đất (thửa đất ghi tên chủ sử dụng là ông Lê Hải B), bà X ở cùng con và bà đề nghị được chia tính bằng giá trị tài sản. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà X, giao cho ông B được quyền sở hữu nhà và công trình trên đất, buộc ông B giao lại giá trị tài sản chênh lệch bằng tiền cho bà X, số tiền là 255.688.274 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi tư đồng).

Ngoài nhà và công trình trên đất, ông B và bà X không yêu cầu chia đối với quyền sử dụng đất và tài sản nào khác nên không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị X đã nộp đầy đủ tiền chi phí tố tụng và nay bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Do nguyên đơn là ông Lê Hải B và bị đơn là bà Phạm Thị X đều là người cao tuổi, xin được miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự cho ông bà.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 55, 58, 59, 81, 82, 83, 107, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X.

Về con: Công nhận ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X có 02 con chung là cháu Lê Thế Nh, sinh ngày 04/7/1993 và Lê Thế D, sinh ngày 30/10/1997. Cháu Nh đã đủ 18 tuổi và tự lập. Cháu D bị khuyết tật bẩm sinh. Giao cháu Lê Thế D cho bà Phạm Thị X trực tiếp nuôi. Ông Lê Hải B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu D cùng bà X mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 11/2025 cho đến khi cháu D khỏi bệnh theo kết luận của bác sĩ. Ông Lê Hải B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nếu ông B lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục con của bà X thì bà X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông B.

Về tài sản: Tài sản chung của ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X yêu cầu chia là nhà và công trình nằm trên thửa đất số 617.1, tờ bản đồ số 01, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 507613 do UBND huyện X cấp ngày 26/01/2018, tên chủ sử dụng: Ông Lê Hải B, địa chỉ thửa đất tại thôn 1, xã Kh, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa (nay là thôn 1, xã Qu, tỉnh Thanh Hóa).

Giao cho ông Lê Hải B được quyền sở hữu toàn bộ nhà và công trình trên thửa đất gồm: nhà hai tầng; Nhà cấp bốn mái bằng (công trình phụ); Một bể nước; Một bán Nh mái fibro; Sân bê tông; Hai trụ cổng và tường rào kết hợp lam bê tông. Tổng giá trị nhà và công trình trên đất có giá trị = 511.376.547 đồng (Năm trăm mười một nghìn, B trăm bảy mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi bảy đồng).

Buộc ông B giao lại giá trị tài sản chênh lệch cho bà X, số tiền là 255.688.274 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm bảy mươi tư đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phạm Thị X có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Hải B không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bà X có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền trên. Nếu chưa thi hành, ông Lê Hải B còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 trên số tiền phải thi hành, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho ông Lê Hải B và bà Phạm Thị X.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lê Hải B và bị đơn bà Phạm Thị X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày xét xử sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 4 - Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Hồ Vương, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Tú

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc Tú

